

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE**  
An Phú, Thuận An, Bình Dương  
Số: 26/2014/CV-CK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2014

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh**  
**( V/v: Giải trình chênh lệch số liệu BCTC quý 2 năm 2014**  
**và BCTC 6 tháng đã soát xét)**

- Căn cứ Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014 do Công ty Cổ phần Mirae lập.
- Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty Kiểm Toán Sao Việt (số 09-2014/BCSX/KMR-SVC ngày 13/08/2014)

Công ty Cổ phần Mirae xin giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC quý 2 năm 2014 do Công ty Cổ phần Mirae lập và BCTC 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty Kiểm Toán Sao Việt như sau: theo chi tiết đính kèm.

Trân trọng kính chào.

Công ty Cổ Phần Mirae  
Tổng Giám Đốc



SHIN YOUNG SIK

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE**

KP 1B - Phường An Phú - Thị Xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương,

Tel: 0650 3 791 038

Fax: 0650 3 791 037

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU GIỮA BCTC QUÝ 02/2014 DO CÔNG TY LẬP VÀ BCTC 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014 ĐƯỢC SOÁT XÉT BỞI CN CÔNG TY KIỂM TOÁN SAO VIỆT**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Số liệu tại ngày 30/06/2014 (do Công ty lập)	Số liệu tại ngày 30/06/2014 (soát xét)	Chênh lệch	Lý do
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>301,062,476,371</b>	<b>301,053,684,858</b>	<b>-8,791,513</b>	
(100= 110+120+130+140+150)					0	
					0	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8,340,557,198</b>	<b>8,340,786,356</b>	<b>229,158</b>	
1. Tiền	111	V.01	8,340,557,198	8,340,786,356	229,158	Ghi nhận thiếu phí ngân hàng
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>137,520,853,715</b>	<b>138,972,452,209</b>	<b>1,451,598,494</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		123,545,411,551	126,263,045,569	2,717,634,018	Ghi nhận bổ sung doanh thu, đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ.
2. Trả trước cho người bán	132		33,331,773,586	33,216,575,473	-115,198,113	Kết chuyển bù trừ với nợ phải thu khách hàng
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(20,654,172,586)	(21,805,009,997)	-1,150,837,411	Trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>151,953,494,231</b>	<b>150,201,517,342</b>	<b>-1,751,976,889</b>	
1. Hàng tồn kho	141		152,567,583,447	150,815,606,558	-1,751,976,889	Giảm do xuất bổ sung thành phẩm để bán hàng.
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,247,571,227</b>	<b>3,538,928,951</b>	<b>291,357,724</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		243,121,659	332,877,158	89,755,499	Ghi tăng chi phí trả trước ngắn hạn
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,504,069,630	1,705,671,854	201,602,224	Ghi tăng do bổ sung chi phí
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,068,627,445	1,068,627,446	1	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>334,560,628,029</b>	<b>336,430,241,278</b>	<b>1,869,613,249</b>	
(200=210+220+240+250+260)						
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>296,524,543,327</b>	<b>298,230,255,194</b>	<b>1,705,711,867</b>	
1. TSCĐ hữu hình	221	V.04	279,038,029,936	284,262,828,034	5,224,798,098	
- Nguyên giá	222		452,383,670,978	447,896,966,250	-4,486,704,728	Tăng TSCĐ từ XD CBDD, giảm TSCĐ do TSCĐ bị cháy



